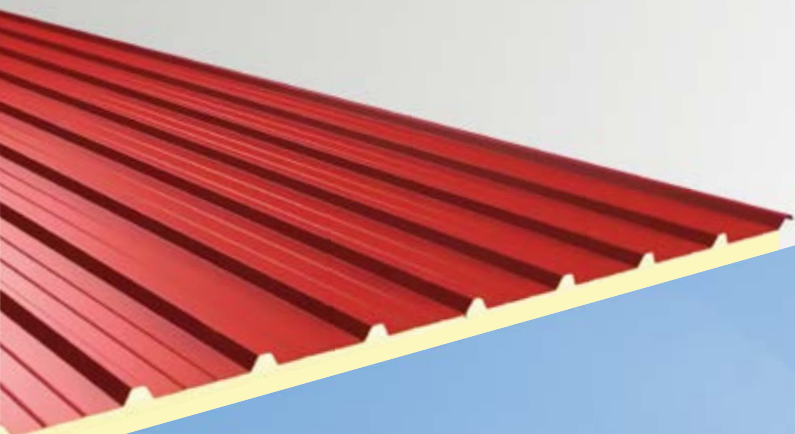




TONMATPAN

CATALOGUE



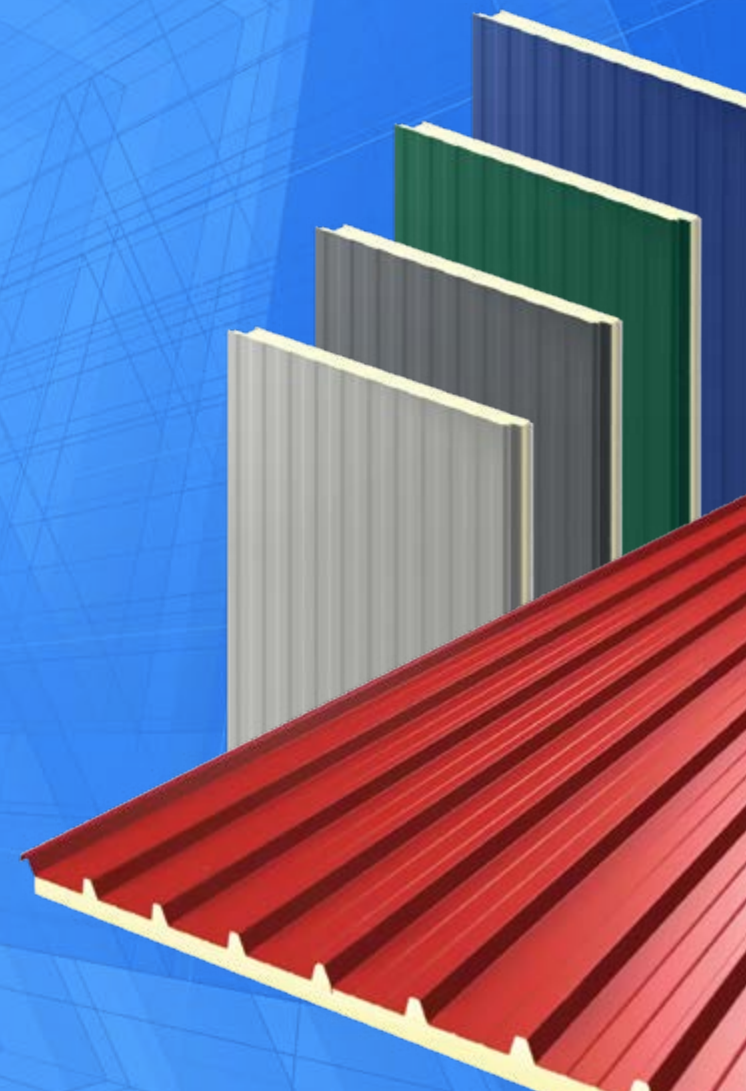


TONMÁT PAN

KHÔNG ỔN LẠI MẶT

MỤC LỤC | TABLE OF CONTENTS

TẠI SAO CHỌN TONMATPAN ? WHY CHOOSE TONMATPAN ?	06
TONMAT GROUP INTRODUCTION OF TONMAT GROUP	08
SẢN PHẨM TONMATPAN PRODUCTS OF TONMATPAN	18
CHỨNG NHẬN, GIẢI THƯỞNG CERTIFICATIONS AND AWARDS	38
KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU TYPICAL CUSTOMERS	40





Panel cách nhiệt, bảo ôn, chống ồn
Sound and thermal insulation panel



THỊ PHẦN SỐ 1 VIỆT NAM

NO. 1 MARKET SHARE IN VIETNAM

Sản phẩm của TẬP ĐOÀN TONMAT | Products of TONMAT GROUP



TẠI SAO CHỌN
WHY CHOOSE

**TONMATPAN ?**



NHÀ SẢN XUẤT PANEL QUI MÔ NHẤT

TONMAT GROUP cung ứng cho thị trường gần 5.000.000 m² mỗi năm.

THE LEADING PANEL PRODUCER IN VIETNAM

TONMAT GROUP supply approximately 5,000,000 SQM to the market annually.



HỆ THỐNG PHÂN PHỐI RỘNG KHẮP

Hơn 17 chi nhánh và nhà máy, hơn 1.000 đại lý, nhà phân phối trên khắp cả nước.

NATIONWIDE DISTRIBUTION NETWORK

With over 17 branches, factories and 1,000 agents and distributors throughout Vietnam.



NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT CHỦ ĐỘNG NHẤT

Từ hệ sinh thái các sản phẩm của đơn vị thành viên: "Tôn Nhặt bản tại Việt Nam" từ FUJITON và hóa chất từ GREENMAT tạo nên sản phẩm cách âm, cách nhiệt Polyurethane.

RELIABLE SUPPLY CHAIN OF RAW MATERIALS

Raw material supplied from the group: "Japanese Steel sheet in Vietnam" from FUJITON and GREENMAT chemicals to create Polyurethane sound and thermal insulation material.



CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

Dây chuyền panel liên tục, tự động, tiên tiến, sử dụng năng lượng mặt trời.

ADVANCED PRODUCTION TECHNOLOGY

A fully automated continuous panel production line with advanced technology and solar energy.



DANH MỤC SẢN PHẨM PHONG PHÚ NHẤT

Có các chủng loại panel sử dụng vật liệu cách âm, cách nhiệt đa dạng: PUR (Polyurethane), PIR (Polyisocyanurate), bông khoáng, bông thủy tinh, XPS (Extruded Polystyrene), EPS (Expanded Polystyrene) ...

THE MOST DIVERSE PRODUCT OFFERING

A full range of panel with diverse sound and thermal insulation material including: PUR (Polyurethane), PIR (Polyisocyanurate), Mineral wool, Glasswool, XPS (Extruded Polystyrene) and EPS (Extended Polystyrene) ...



TẬP ĐOÀN TONMAT



QUY MÔ TỔ CHỨC | ORGANIZATIONAL SCALE

03

Đơn vị thành viên gồm TONMAT, FUJITON và GREENMAT
Sister companies TONMAT, FUJITON and GREENMAT

17+

Chi nhánh, nhà máy trên cả nước
Branches and factories throughout the country

1000+

Đại lý, nhà phân phối
Agents and distributors

SẢN LƯỢNG MỖI NĂM | ANNUAL OUTPUT

5.000.000^{m²}

Thành phẩm TOMATPAN
Finished products

60.000^T

Tôn FUJITON | FUJITON Steel

10.000^T

Hóa chất GREENMAT
GREENMAT Chemicals

TRỤ SỞ CHÍNH | HEADQUARTERS

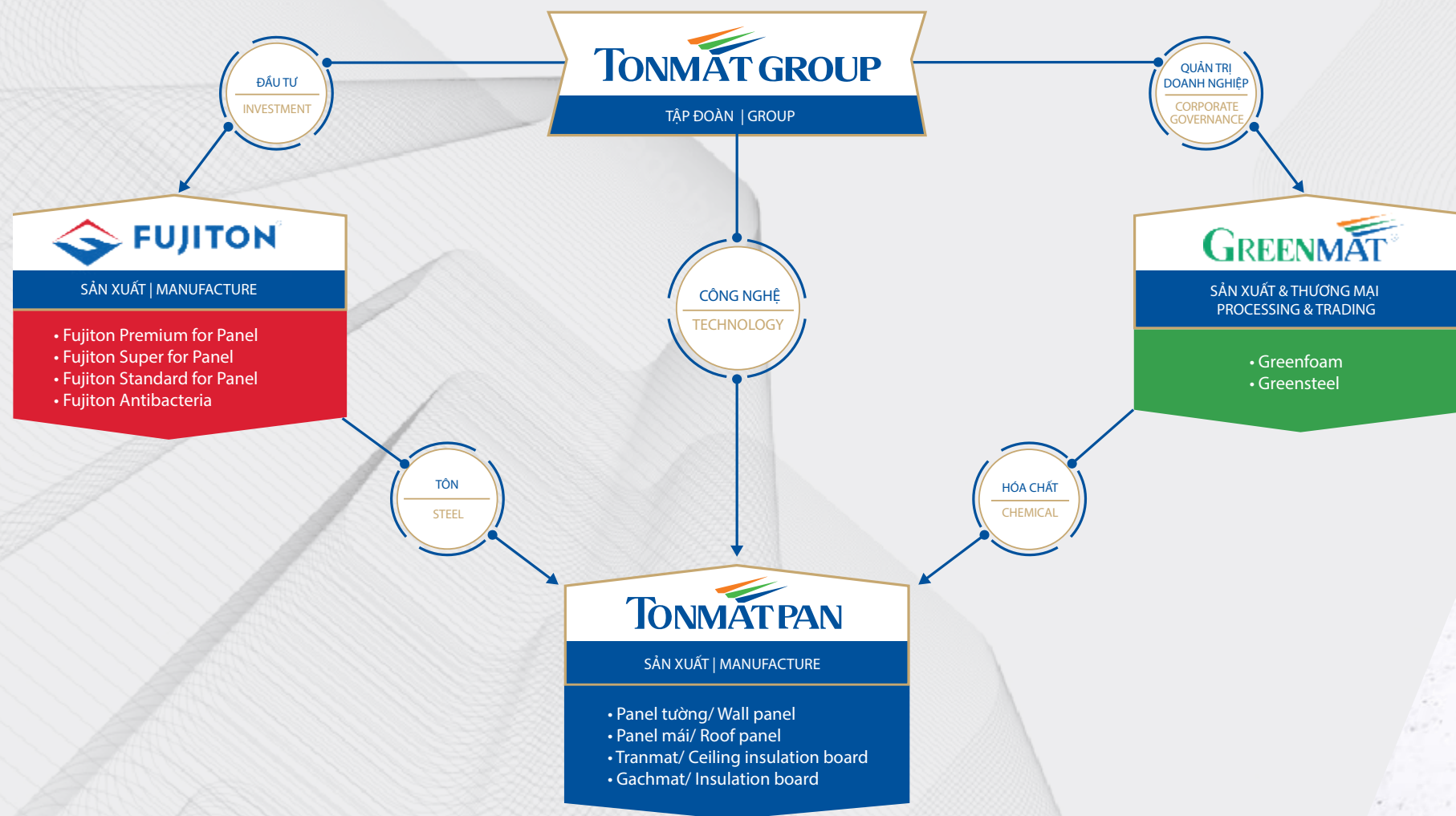
KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh | Tien Son IP, Hoan Son commune, Tien Du district, Bac Ninh province, Vietnam



CÁC MỐC LỊCH SỬ | MILESTONES



DANH MỤC SẢN PHẨM | PRODUCT LIST



HỆ THỐNG NHÀ MÁY, CHI NHÁNH | FACTORY AND BRANCH NETWORK

Trụ sở chính TẬP ĐOÀN TONMAT / TONMAT GROUP Headquarters

Nhà máy-Chi nhánh TONMATPAN Việt Nam / TONMATPAN Vietnam Factory-Branch

Nhà máy Tôn mạ màu FUJITON / FUJITON Color Coating Steel Factory

Nhà máy pha trộn hóa chất GREENMAT / GREENMAT Blending Factory

Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Bắc Ninh / TONMAT Bac Ninh Factory-Branch

Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Quảng Ninh / TONMAT Quang Ninh Factory-Branch

Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Thái Bình / TONMAT Thai Binh Factory-Branch

Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Phú Thọ / TONMAT Phu Tho Factory-Branch

Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Sơn La / TONMAT Son La Factory-Branch

Nhà máy TONMAT Tuyên Quang / TONMAT Tuyen Quang Factory

Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Thanh Hóa / TONMAT Thanh Hoa Factory-Branch

Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Nghệ An / TONMAT Nghe An Factory-Branch

Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Đà Nẵng / TONMAT Da Nang Factory-Branch

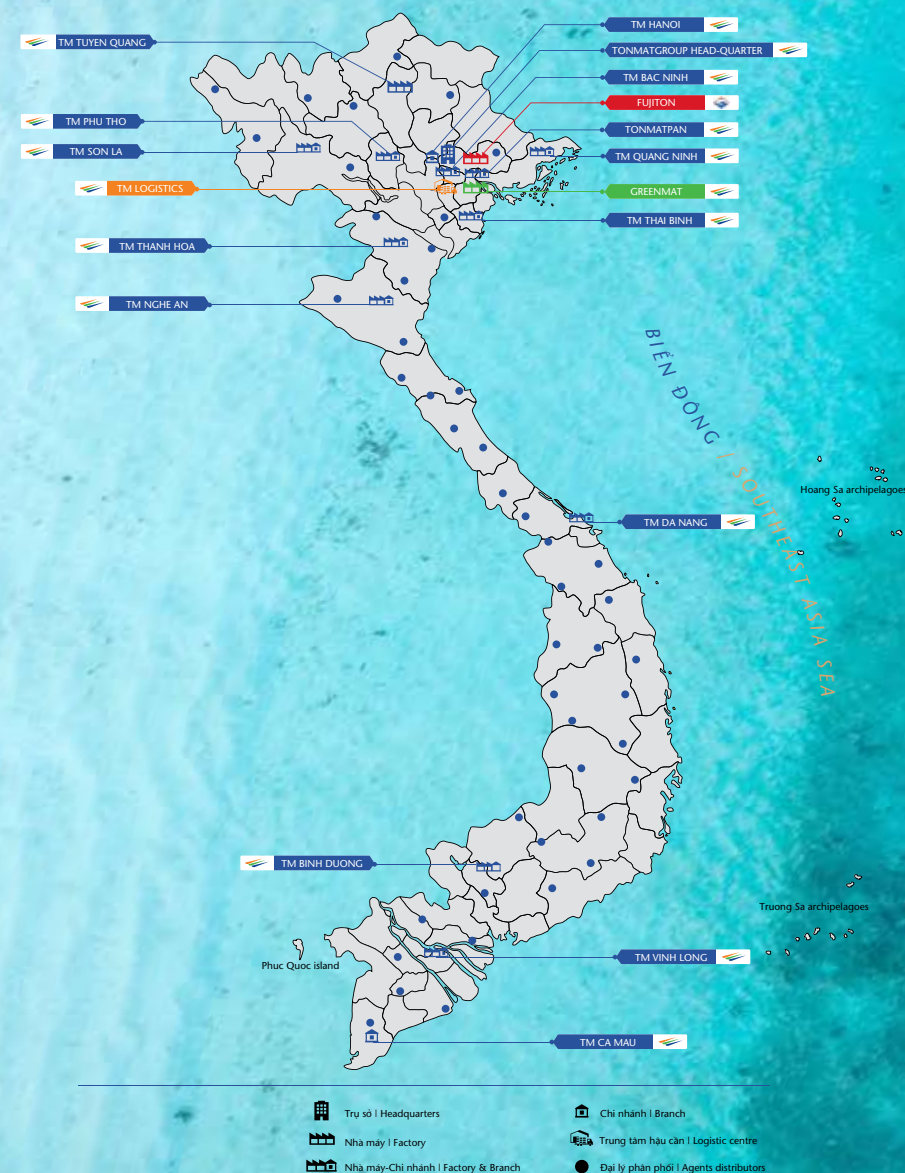
Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Vĩnh Long / TONMAT Vĩnh Long Factory-Branch

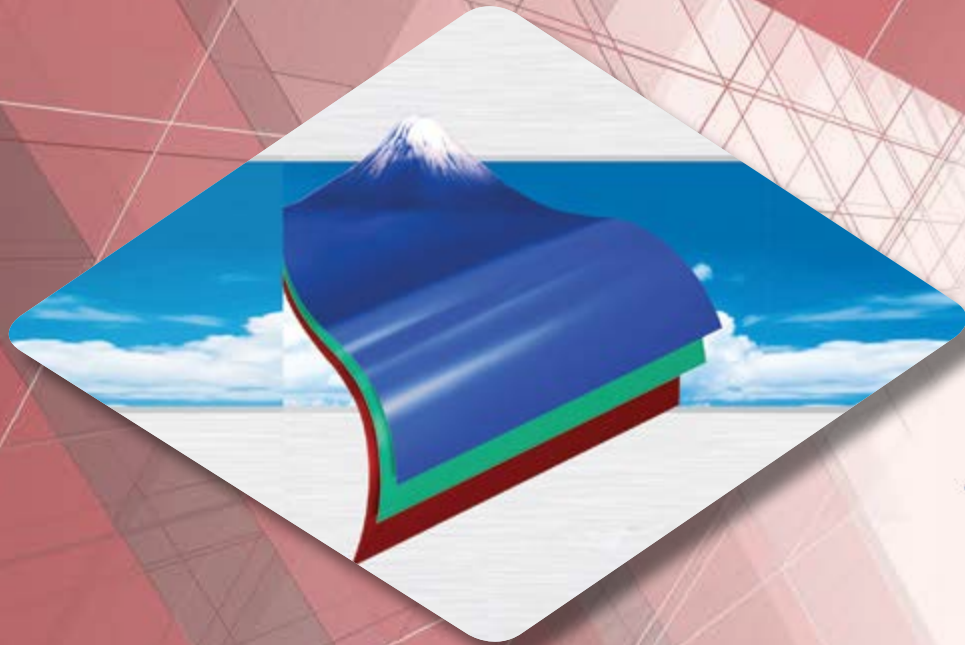
Nhà máy-Chi nhánh TONMAT Bình Dương / TONMAT Binh Duong Factory-Branch

Trung tâm TONMAT Logistics / TONMAT Logistics Centre

Chi nhánh TONMAT Hà Nội / TONMAT Hanoi Branch

Chi nhánh TONMAT Cà Mau / TONMAT Ca Mau Branch





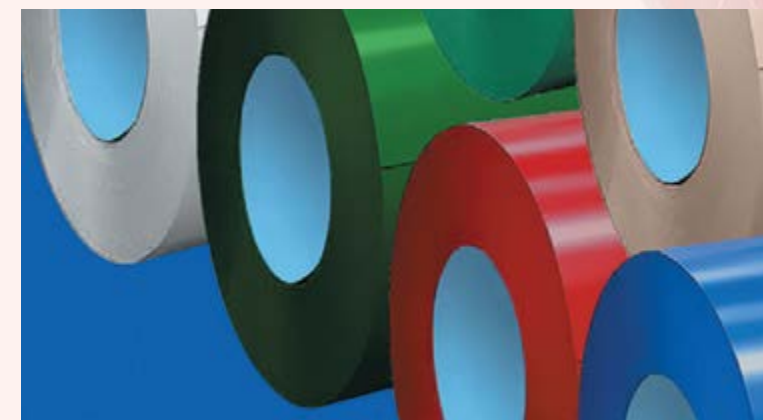
FUJITON®

TÔN NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM

JAPANESE STEEL SHEET IN VIETNAM

TÔN MẠ MÀU FUJITON | FUJITON COLOR COATING STEEL SHEET

Tôn mạ màu FUJITON được sản xuất trên dây chuyền tự động và khép kín được Tập đoàn Nippon Steel & Sumikin (NISC) cung cấp, vận hành và chuyển giao công nghệ cho liên doanh Fujiton JSC. Các sản phẩm tôn mạ màu FUJITON đạt tiêu chuẩn chất lượng Nhật Bản JIS G3322:2012.



Fujiton Color coated steels are produced on a fully automated and complete production line supplied, operated and technology transferred by Nippon Steel & Sumikin Coated Sheet Corporation (NISC) to FUJITON Color Coating Steel JSC. All Fujiton products are in conformity with Japanese standard JIS G3322:2012.



GREENMAT®

VẬT LIỆU XANH, ĐẦU NGÀNH CÁCH NHIỆT
ECO-FRIENDLY & THERMAL INSULATION CONSTRUCTION MATERIAL

CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XANH VIỆT NAM | VIETNAM GREEN MATERIAL ONE-MEMBER CO., LTD.

▼ Phòng thí nghiệm / Laboratory



▲ Bồn ngầm Cyclopentane 35m³/ Cyclopentane Underground 35m³ Storage Tank

▼ Kho thành phẩm/ Products storage



▲ Trạm pha trộn/ Mixing Station

Công ty TNHH MTV Vật liệu Xanh Việt Nam (GREENMAT) là doanh nghiệp nhập khẩu, pha trộn và phân phối các sản phẩm hóa chất để phục vụ sản xuất các loại vật liệu cách nhiệt, cách âm trong xây dựng cũng như nhiều ứng dụng khác.

Là một trong số ít đơn vị sở hữu bồn ngầm hóa chất Cyclopentane (C5) thuộc loại lớn nhất Việt Nam cùng hệ thống dây chuyền thiết bị pha trộn nhập khẩu, sử dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, GREENMAT sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng về các loại hóa chất sử dụng trong ngành cách nhiệt như Polyol trộn sẵn, ISO/MDI,...

Vietnam Green Material One-member Co., Ltd. (GREENMAT) undertakes importation activities as well as blending and distribution of the chemicals used in the production of thermal and sound insulation material for construction and other applications.

Being one of a few companies that own a biggest underground storage tank for Cyclopentane (C5) as well as the imported chemical blending facilities that uses eco-friendly technology, GREENMAT is ready to meet demands from customers for insulation chemicals such as pre-blended Polyol, ISO/MDI, etc.



TONMÁT TECH

CÔNG NGHỆ XANH - SẠCH VÀ SẢN XUẤT TINH GỌN
GREEN - CLEAN TECHNOLOGY AND LEAN PRODUCTION

CÔNG NGHỆ TONMAT | TONMAT TECHNOLOGY



Sản xuất Xanh- Sạch và Tinh gọn

Quy trình sản xuất hoàn toàn tự động, cùng với hệ thống tạo bọt 5 thành phần, không sử dụng chất HCFC/CFC gây ảnh hưởng tầng o-zôn, sử dụng năng lượng mặt trời.

Công nghệ pha chế hiện đại và chủ động nhất: Đơn vị đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam sở hữu công nghệ pha trộn được điều khiển tự động, kiểm soát tối đa khí thải ra môi trường.

Sở hữu lợi thế có bồn ngầm Cyclopentane 35m³ giúp chủ động tối đa nguyên liệu và tăng cường tự động hóa trong sản xuất Panel.

Green-Clean and Lean Production

Fully automated production process with 5-components foaming system, HCFC/CFC free, and using solar energy.

The most modern and automated technology: The first and only company in Vietnam to own automated blending facilities that minimize the release of the environmental pollutants.

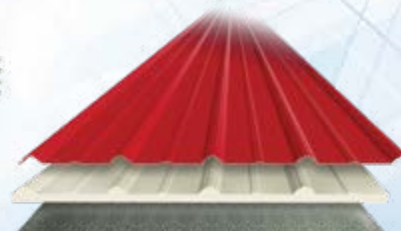
A 35m³ underground Cyclopentane container allows bulk storage of chemicals, to ensure continuous and reliable production of panels.

GIỚI THIỆU VỀ TONMATPAN | ABOUT TONMATPAN



TONMATPAN
KHÔNG ỒN lại MÁT

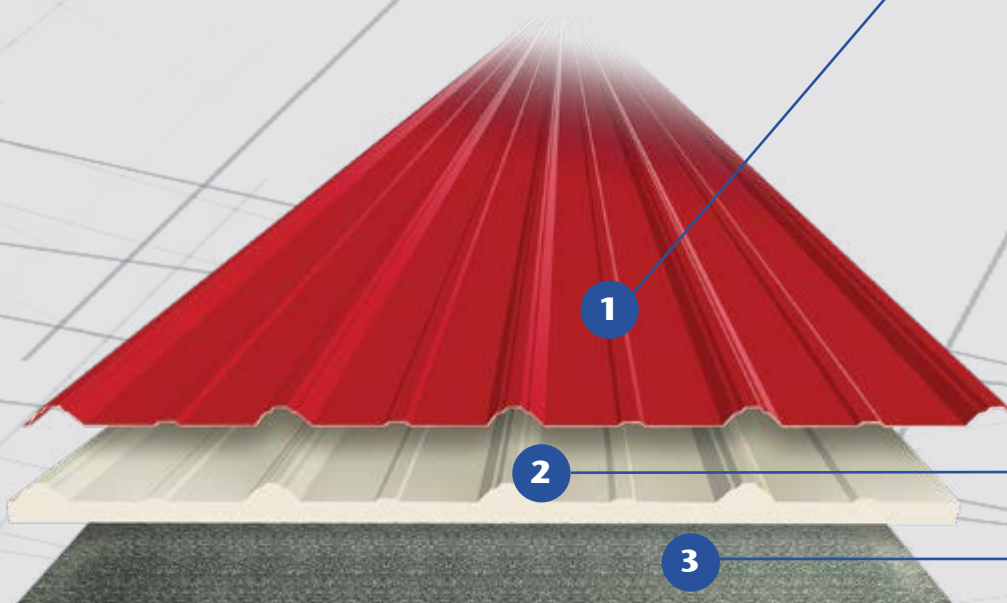




CẤU TRÚC SẢN PHẨM TONMATPAN | STRUCTURE OF TONMATPAN PRODUCTS



Cấu trúc Panel mái | Roof panel structure



• Tôn FUJITON • FUJITON steel sheet



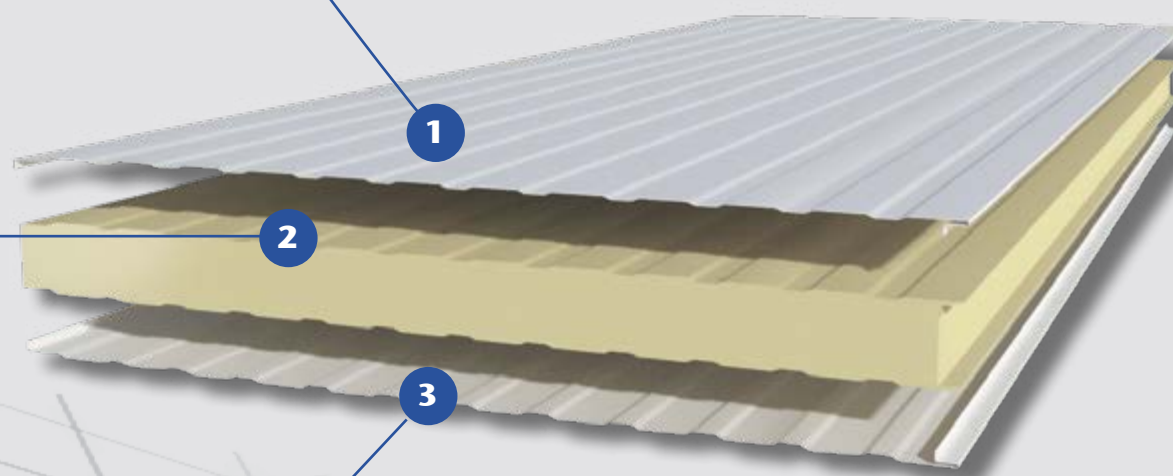
• Lõi cách nhiệt
• Thermal insulation interlayer



• Giấy tráng bạc (hoặc tôn FUJITON)
• Alumium paper (or FUJITON Steel sheet)



Cấu trúc tấm panel | Panel structure



PANEL PUR/ PIR



Vật liệu cách nhiệt: PUR (Polyurethane) hoặc PIR (Polyisocyanurate).
Thermal insulation material PUR (Polyurethane) or PIR (Polyisocyanurate)

Ưu điểm vượt trội: Panel có khả năng cách nhiệt tốt nhất.

Outstanding features: Panels with a PUR (Polyurethane) or PIR (Polyisocyanurate) interlayer have the excellent thermal insulation.

Ứng dụng: Dùng làm kho lạnh, kho đông độ âm sâu, phòng sạch, kho bảo quản dược phẩm, thực phẩm, lắp ráp linh kiện điện tử, siêu thị v.v...

Application Used as cold storage warehouses, clean houses for pharmaceutical and food storage, electronic assembly facilities, supermarkets, etc...

Độ dày panel TONMATPAN đảm bảo nhiệt độ cho kho bảo ôn, kho lạnh.

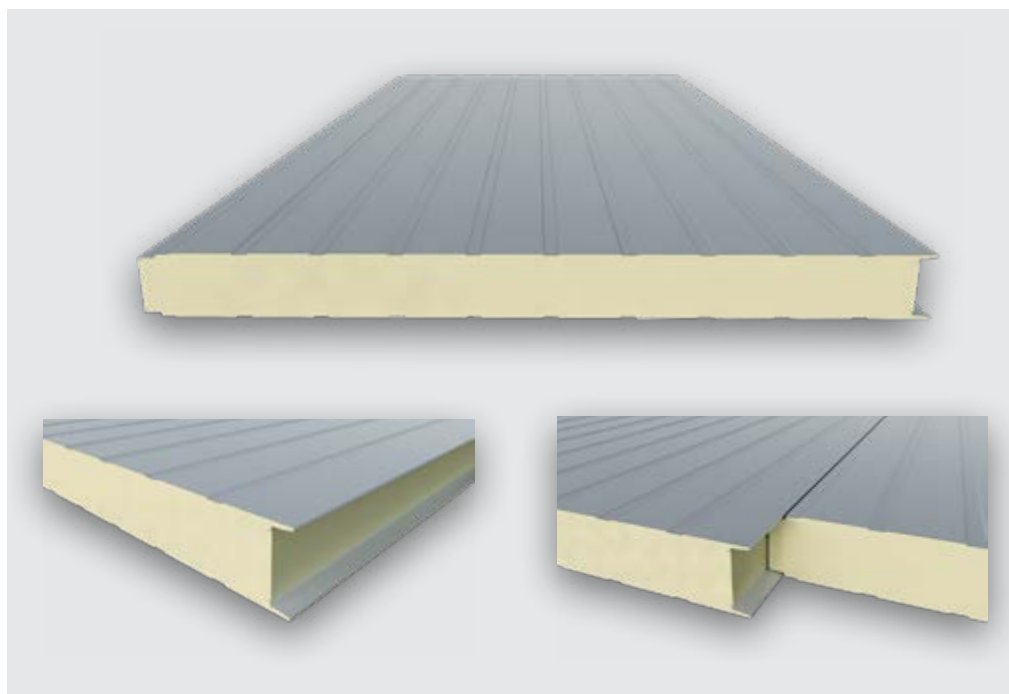
Thickness of Tonmatpan Panel used for cool, cold and freezer storage warehouses

Thông số kỹ thuật | Technical specifications

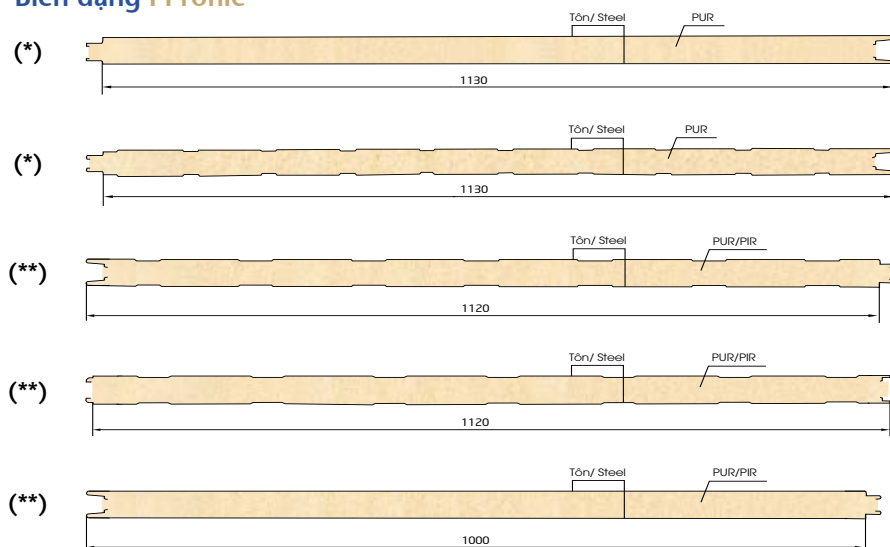
Tiêu chí Description	Đơn vị Unit	Panel trong nhà Indoor panel	Panel ngoài nhà Outdoor panel	Dung sai Tolerance
Chiều dài tối đa Maximum length	mm	18000		± 5
Khổ hiệu dụng Effective width	mm	1000/ 1120/ 1130	1000	± 2
Độ dày Product thickness	mm	40/ 50/ 75/ 100/ 125/ 150/ 200	40/ 50/ 75/ 100	± 2
Tỷ trọng lớp giữa Interlayer density	Kg/m ³	40		± 2
Độ dày lớp kim loại bề mặt Outer layer thickness	mm	0.4 ÷ 0.8		± 0.02

Độ dày Thickness (mm)	Nhiệt độ Temp (t°C)	Độ dày Thickness (mm)	Nhiệt độ Temp (t°C)
50	5	125	-18 ÷ -25
75	5 ÷ -10	150	-25 ÷ -40
100	-10 ÷ -18	200	-40 ÷ -60

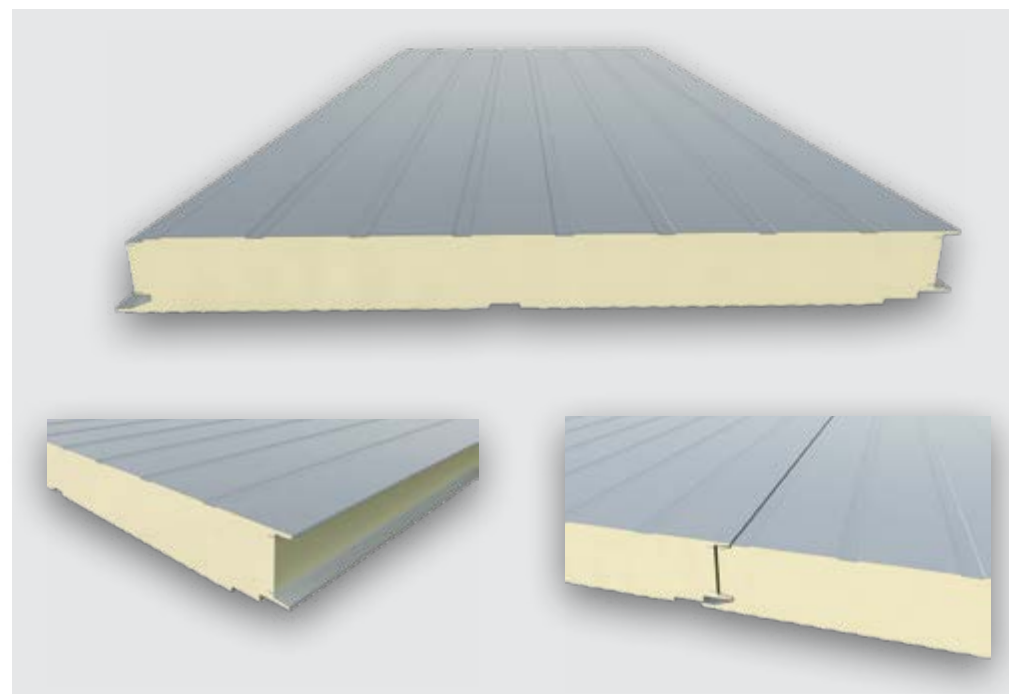
PANEL PUR/PIR TRONG NHÀ | INDOOR PUR/PIR PANEL



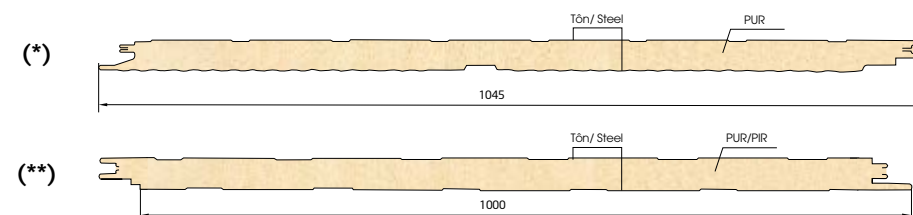
Biên dạng | Profile



PANEL PUR/PIR NGOÀI TRỜI | OUTDOOR PUR/PIR PANEL



Biên dạng | Profile



Chú Giải | Note

(*): Sản xuất tại nhà máy TONMAT Vĩnh Long/ Produced in TONMAT Vĩnh Long factory.

(**): Sản xuất tại nhà máy TONMATPAN Việt Nam/ Produced in TONMATPAN factory Vietnam.

PANEL BÔNG THỦY TINH/ BÔNG KHOÁNG



Vật liệu cách nhiệt: Bông thủy tinh hoặc bông khoáng.

Thermal insulation material: Glass wool or Mineral wool.

Ưu điểm vượt trội: Chống cháy, khả năng chịu nhiệt độ cao.

Outstanding features: High fire-resistance and thermal insulation properties.

Ứng dụng: Dùng làm tường, vách nhà xưởng sản xuất, kho bảo quản hàng hóa và văn phòng, siêu thị... nơi có yêu cầu cao về chống cháy.

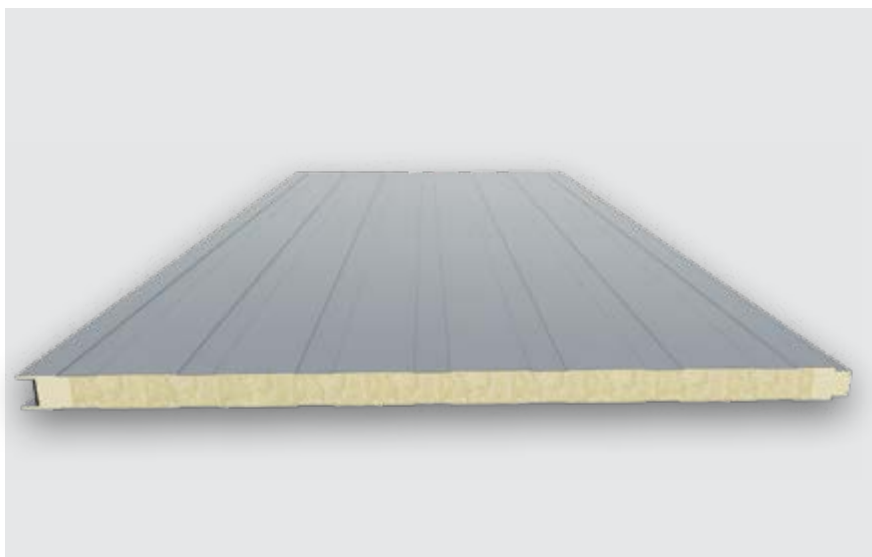
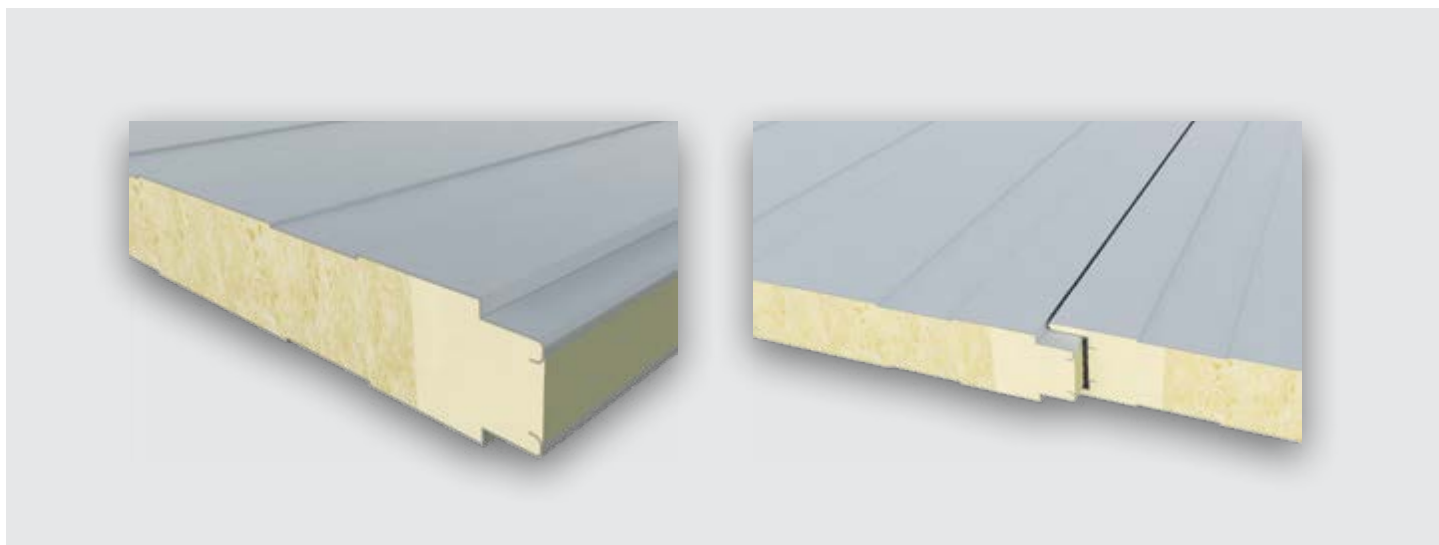
Application: Used as walls and partitions for workshops, factories, storage warehouses, offices, and supermarkets, etc... where fire-resistance is highly required.



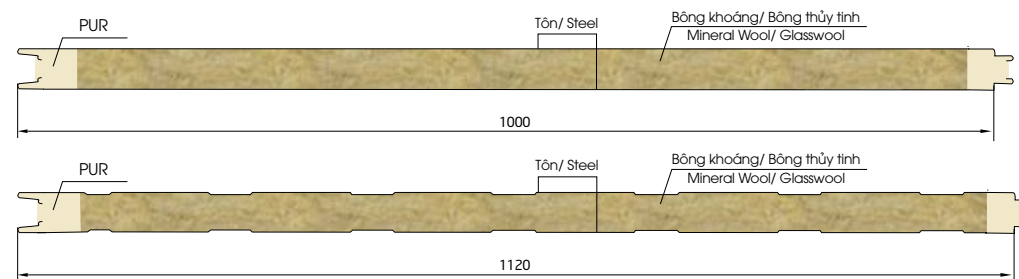
Thông số kỹ thuật | Technical specifications

Tiêu chí Description		Đơn vị Unit	Panel trong nhà Indoor panel	Panel ngoài nhà Outdoor panel	Dung sai Tolerance
Chiều dài tối đa Maximum length		mm	18000		± 5
Khổ hiệu dụng Effective width		mm	1000/ 1120	1000	± 2
Độ dày Product thickness		mm	50/ 75/ 100		± 2
Tỷ trọng lớp giữa Interlayer density	Bông khoáng Mineral wool	Kg/m ³	60 ÷ 130		± 2
	Bông thủy tinh Glass wool		48/ 64		
Độ dày lớp kim loại bề mặt Outer layer thickness		mm	0.35 ÷ 0.80		± 0.02

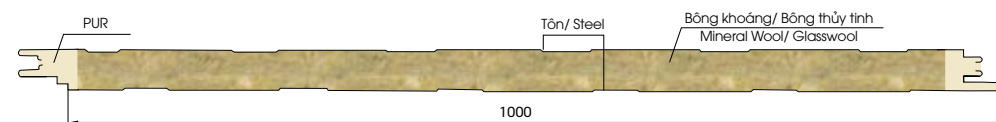
TONMATPAN MINERAL WOOL/ GLASS WOOL PANEL



Biên dạng Panel trong nhà | Indoor Panel Profile



Biên dạng Panel ngoài nhà | Out door Panel Profile



PANEL HỖN HỢP PUR VÀ BÔNG THỦY TINH/ BÔNG KHOÁNG



Vật liệu cách nhiệt: PUR kết hợp với bông khoáng hoặc bông thủy tinh.

Thermal insulation material: A combination of PUR with Mineral wool or Glass wool

Ưu điểm vượt trội: Cách nhiệt, cách âm tốt. Chống cháy và chịu nhiệt cao.

Outstanding features: A perfect combination of highly sound and thermal insulation with fire-resistant properties

Ứng dụng: Nơi có yêu cầu cao đồng thời cả cách nhiệt, cách âm và chống cháy.

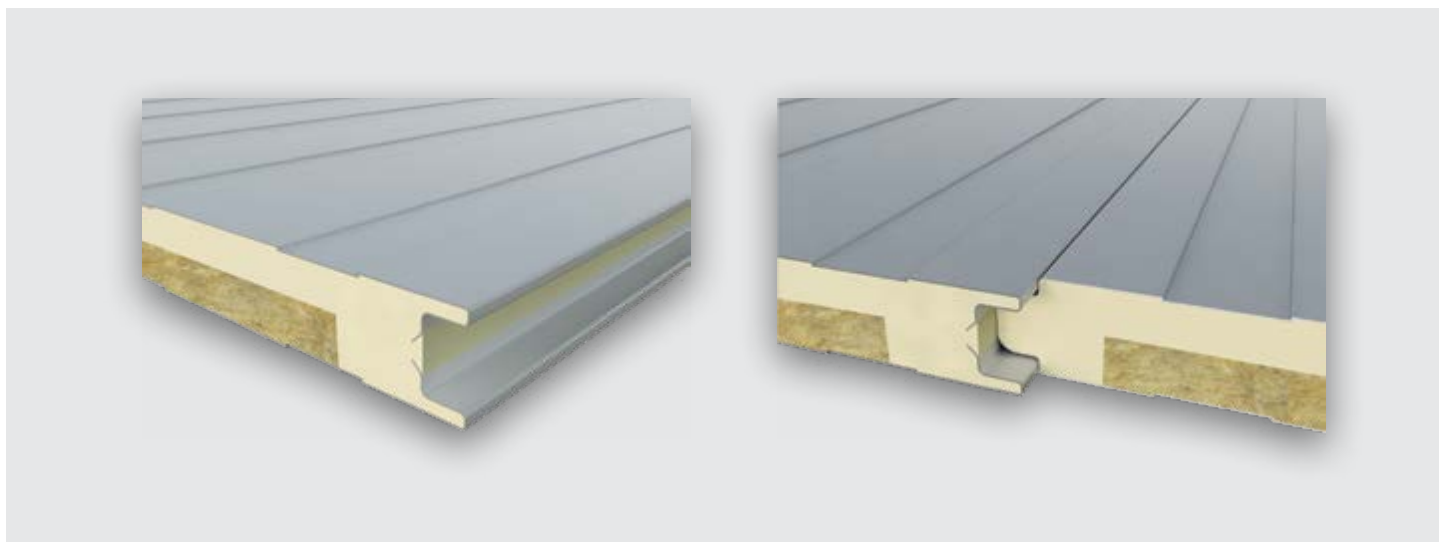
Application: Where all sound, thermal insulation and fire-resistance are highly required.



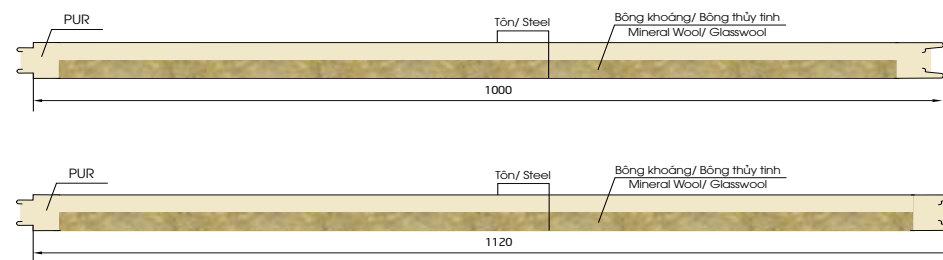
Thông số kỹ thuật | Technical specifications

Tiêu chí Description		Đơn vị Unit	Panel trong nhà Indoor panel	Panel ngoài nhà Outdoor panel	Dung sai Tolerance
Chiều dài tối đa Maximum length		mm	18000		± 5
Khổ hiệu dụng Effective width		mm	1000/ 1120	1000	± 2
Độ dày Product thickness		mm	75/ 100/ 125/ 150/ 200		± 2
Tỷ trọng lớp giữa Interlayer density	PUR	Kg/m³	40		± 2
	Bông khoáng Mineral wool		60 ÷ 130		
	Bông thủy tinh Glass wool		48/ 64		
Độ dày lớp kim loại bề mặt Outer layer thickness		mm	0.30 ÷ 0.80		± 0.02

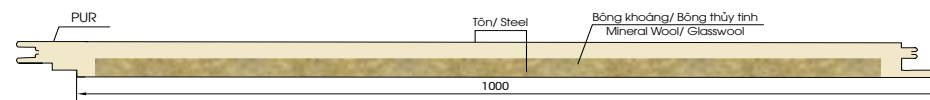
TONMATPAN PUR & MINERAL WOOL/GLASS WOOL PANEL



Biên dạng Panel trong nhà | Indoor Panel Profile



Biên dạng Panel ngoài nhà | Out door Panel Profile



PANEL EPS/ XPS



Vật liệu cách nhiệt: Xốp EPS hoặc XPS

Thermal insulation material: EPS foam (Expanded PolyStyrene) or XPS foam (Extruded PolyStyrene).

Ưu điểm vượt trội: Cách âm, cách nhiệt. Chi phí đầu tư thấp.

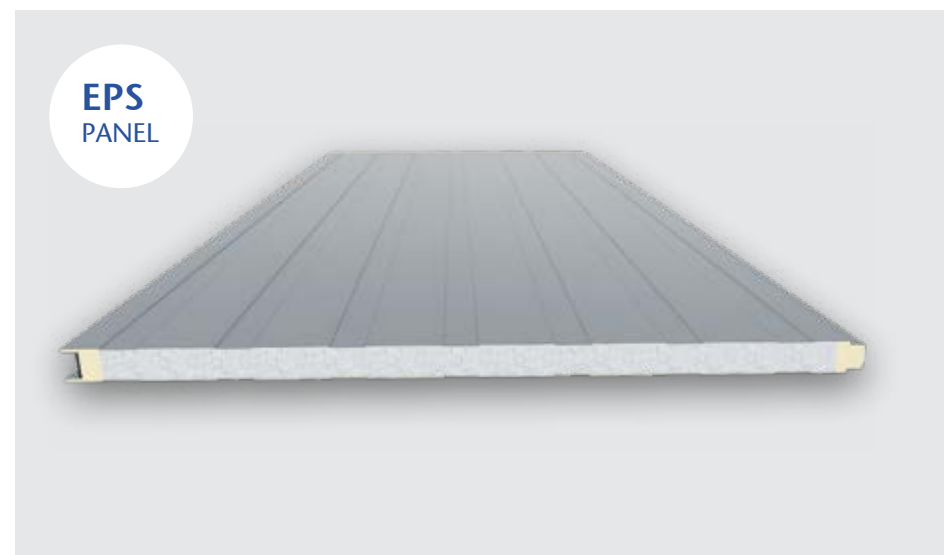
Outstanding features: Sound and thermal insulation. Affordable.

Ứng dụng: Dùng để làm vách ngăn, vách ngăn phòng vô trùng, kho bảo quản nông sản, cơ sở chế biến thực phẩm, xưởng lắp ráp điện tử, xưởng dệt, nhà hàng, trường học.

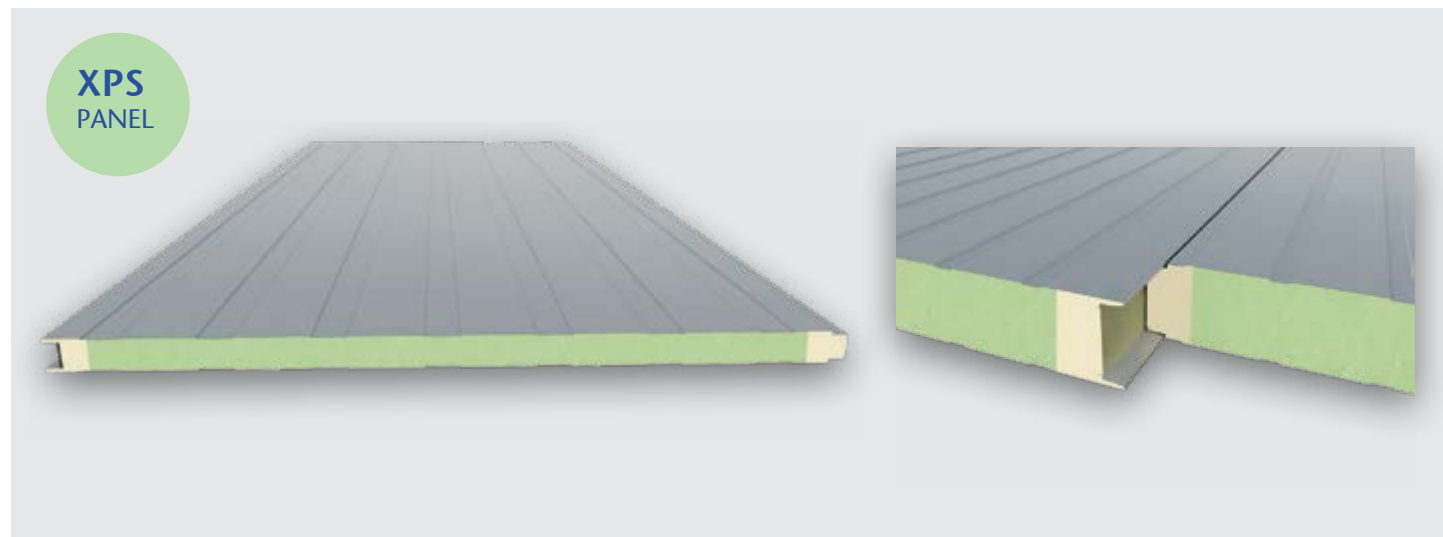
Application: Used to make walls and partitions for sterile rooms, agri-products storage warehouses, food processing facilities, electronic assembly factories, textile factories, restaurants and schools.

Thông số kỹ thuật | Technical specifications

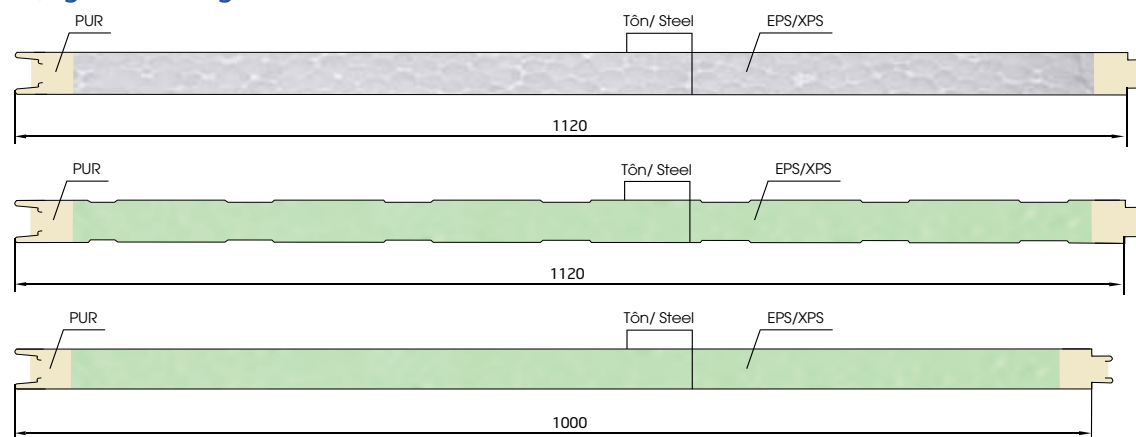
Tiêu chí Description		Đơn vị Unit	Panel trong nhà Indoor panel	Panel ngoài nhà Outdoor panel	Dung sai Tolerance
Chiều dài tối đa Maximum length		mm	18000		± 5
Khổ hiệu dụng Effective width		mm	1000/ 1120	1000	± 2
Độ dày Product thickness		mm	40/ 50/ 75		± 2
Tỷ trọng lớp giữa Interlayer density	EPS	Kg/m³	8 ÷ 30		± 2
	XPS		15 ÷ 36		
Độ dày lớp kim loại bề mặt Outer layer thickness		mm	0.30 ÷ 0.80		± 0.02



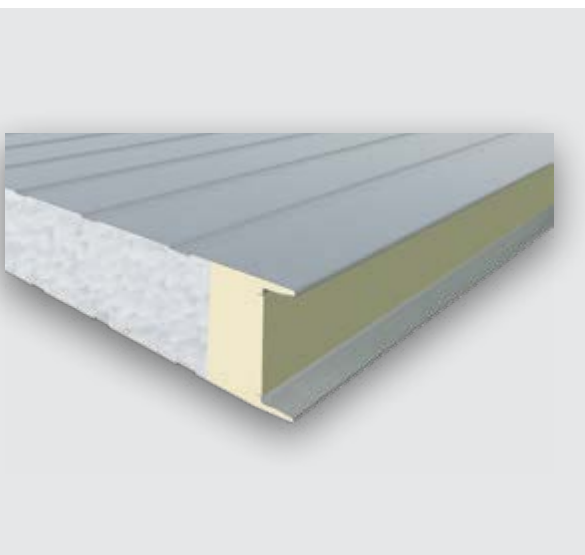
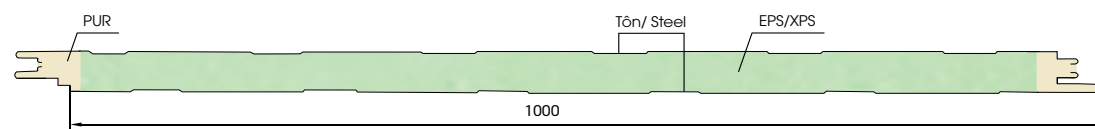
TONMATPAN EPS/XPS PANEL



Biên dạng Panel trong nhà | Indoor Panel Profile



Biên dạng Panel ngoài nhà | Out door Panel Profile



PANEL MÁI CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP



Vật liệu cách nhiệt: PUR, bông khoáng, bông thủy tinh, EPS, XPS.

Thermal insulation material: PUR, Mineral wool, Glasswool, EPS and XPS

Ưu điểm vượt trội: Khả năng cách nhiệt, cách âm tốt. Chống dột, độ bền cao. Phù hợp với mọi ngân sách đầu tư.

Outstanding features: Sound and thermal insulation properties. Water resistant and high durability. Suitable for all investment budgets

Ứng dụng: Dùng cho lợp mái nhà xưởng, kho bảo quản, siêu thị, trung tâm thương mại, trường học,...

Application: Used as roofing for factories, storage warehouses, supermarkets, shopping centers, schools, etc...

Thông số kỹ thuật | Technical specifications

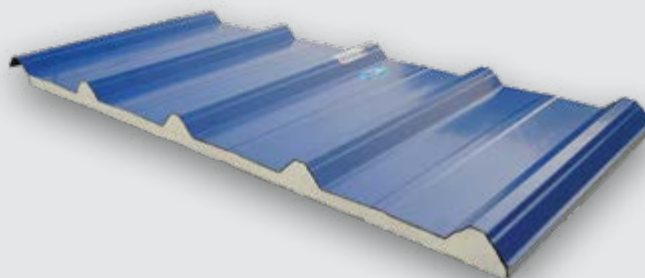
Tiêu chí Description	Đơn vị Unit	3 sóng 3 wave	5 sóng 5 wave	6 sóng 6 wave	Dung sai Tolerance
Chiều dài sản phẩm Product length	mm	Dài bất kỳ/ Any			
Khổ sản phẩm Product width	mm	1080	1084/ 1048	1070	± 2
Khổ hiệu dụng Effective width	mm	1000	1012/ 980	1000	± 2
Độ dày sản phẩm Product thickness	mm	50/ 92 75/ 117	20/ 47 20/ 52 35/ 67 50/ 82 60/ 92	20/ 37 20/ 52 20/ 39	± 2 ÷ ± 5
Lớp cách nhiệt giữa Interlayer density		PUR/ Mineral wool/ Glasswool/ EPS/ XPS	PUR		
Độ dày lớp tôn mặt dưới Bottom steel layer thicknes	mm	≥ 0.25			± 0.02
Độ dày lớp giấy bạc dưới Bottom aluminium paper thickness	mm	0.07 ÷ 0.2			± 0.002

TONMATPAN INDUSTRIAL ROOFING PANEL

3 SÓNG
WAVE



5 SÓNG
WAVE

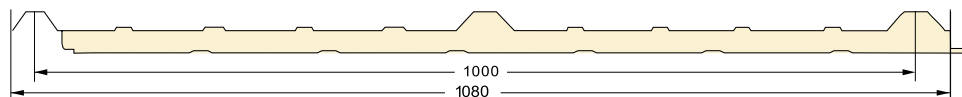


6 SÓNG
WAVE

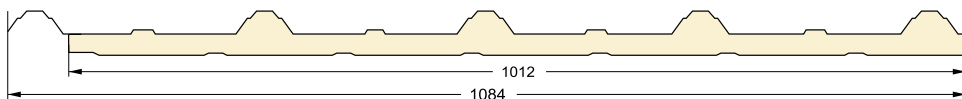


Biên dạng sản phẩm | Product Profile

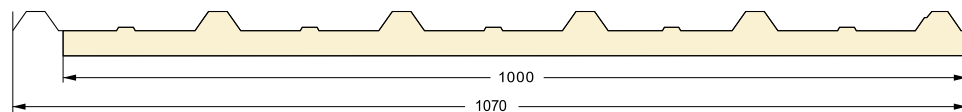
Panel mái 3 sóng/ 3 wave roofing panel



Panel mái 5 sóng/ 5 wave roofing panel



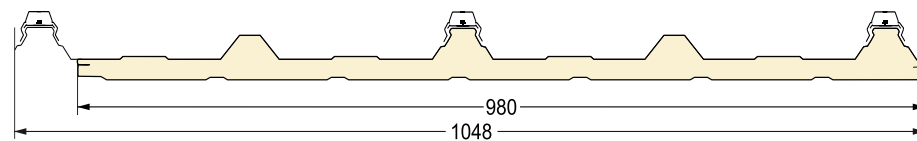
Panel mái 6 sóng/ 6 wave roofing panel



**TONMAT
LOCKVIT**



Panel mái TONMAT LOCKVIT 5 sóng/ TONMAT LOCKVIT Roofing Panel 5 wave



PANEL MÁI CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG



Vật liệu cách nhiệt | Thermal insulation material: PUR

Ưu điểm vượt trội: Khả năng cách nhiệt, cách âm tốt. Chống dột, độ bền cao.

Outstanding features: Sound and thermal insulation. Water resistant and high durability.

Ứng dụng: Dùng cho lợp mái nhà, mái hiên, nhà kho và các công trình dân dụng khác.

Application: Used as roofing, eaves, storage rooms and other residential constructions.

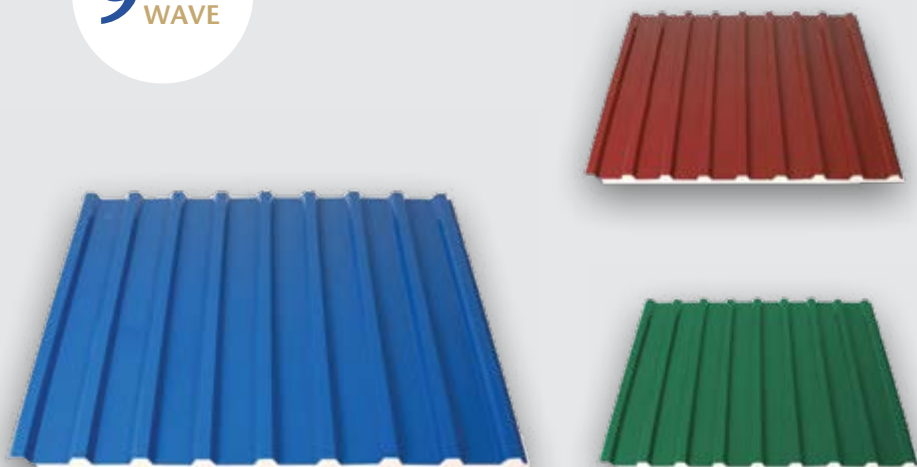


Thông số kỹ thuật | Technical specifications

Tiêu chí Description	Đơn vị Unit	9 sóng 9 wave	11 sóng 11 wave	Dung sai Tolerance
Chiều dài sản phẩm Product length	mm	Dài bất kỳ/ Any		
Khổ sản phẩm Product width	mm	1030	1070	± 2
Khổ hiệu dụng Effective width	mm	980	1000	± 2
Độ dày sản phẩm Product thickness	mm	20/ 37 20/ 52 20/ 39	15/ 32 20/ 37	± 2 ÷ ± 5
Lớp cách nhiệt giữa Interlayer density		PUR		
Độ dày lớp tôn mặt dưới Bottom steel layer thicknes	mm	0.18/ 0.25		± 0.02
Độ dày lớp giấy bạc dưới Bottom aluminium paper thickness	mm	0.07 ÷ 0.2		± 0.002

TONMATPAN ROOFING PANEL FOR CIVIL CONSTRUCTION

9 SÓNG
WAVE

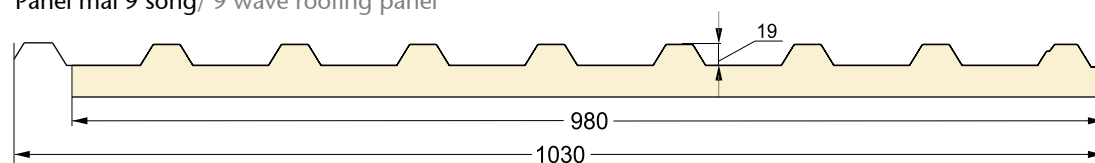


11 SÓNG
WAVE

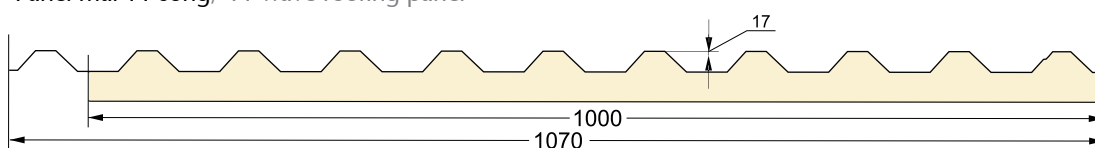


Biên dạng sản phẩm | Product Profile

Panel mái 9 sóng/ 9 wave roofing panel



Panel mái 11 sóng/ 11 wave roofing panel





Vật liệu cách nhiệt | Thermal insulation material: PUR (Polyurethane).

Ưu điểm vượt trội: Cách nhiệt, cách âm. Chi phí đầu tư thấp. Thi công nhanh

Outstanding features: Sound and thermal insulation properties. Affordable. Quick and easy installation

Ứng dụng: Dùng làm tấm trần (la phong), vách cho cả công trình dân dụng và công nghiệp

Application: Used as ceiling board and walls for industrial and residential constructions.

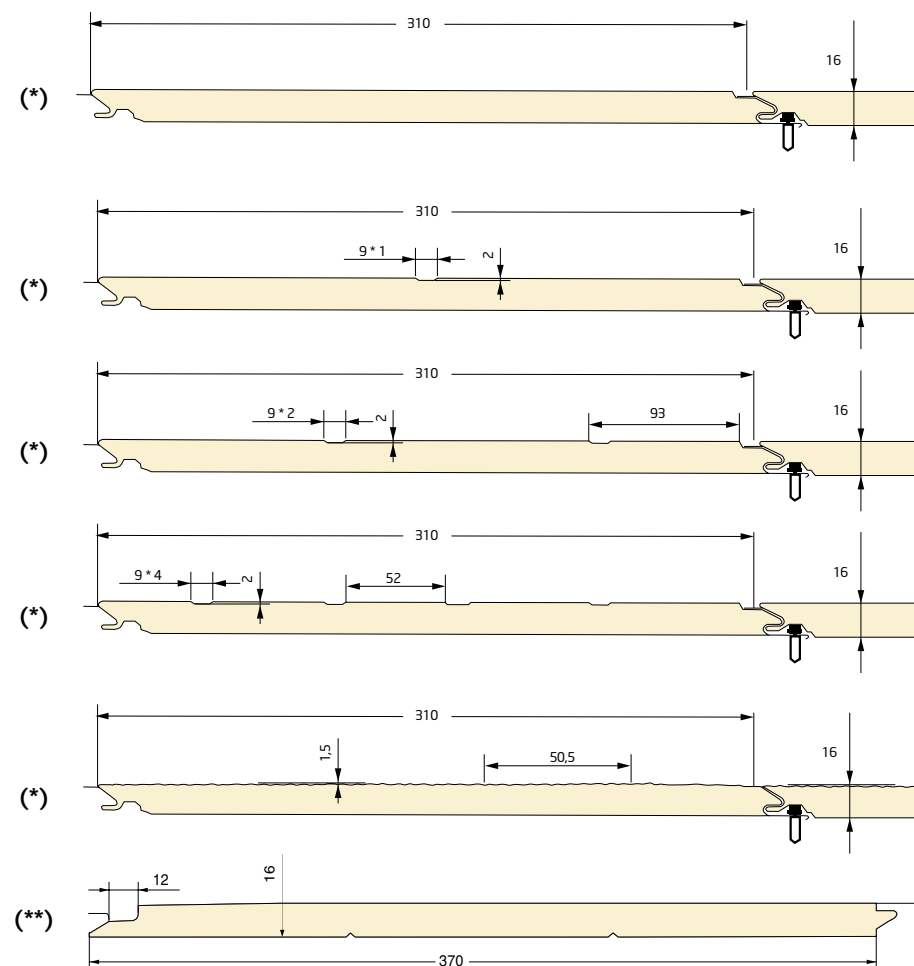
Thông số kỹ thuật | Technical specifications

Tiêu chí Description	Đơn vị Unit	Kích thước Detail	Dung sai Tolerance
Độ dày lớp tôn Outer steel thickness	mm	0.18 ÷ 0.60	± 0.02
Độ dày lớp giấy bạc (mặt phụ) Aluminum paper thickness	mm	0.07 ÷ 0.08	± 0.002
Tỷ trọng vật liệu cách nhiệt Interlayer density	Kg/m ³	32	± 2
Khổ hiệu dụng Effective width	mm	310/ 370	
Độ dày Product thickness	mm	16/ 20	± 2

TONMATPAN TRANMAT CEILING PANEL



Biên dạng sản phẩm | Product Profile



Chú Giải | Note

(*): Sản xuất tại nhà máy TONMAT Bắc Ninh/ Produced in TONMAT Bac Ninh factory.

(**): Sản xuất tại nhà máy TONMAT Đà Nẵng, Bình Dương/ Produced in TONMAT Da Nang, Binh Duong factory.

GACHMAT VÀ PANEL KHÔNG TÔN



Vật liệu cách nhiệt | Thermal insulation material: PUR (Polyurethane), PIR (Polyisocyanurate).

Ưu điểm vượt trội: Trọng lượng nhẹ, khả năng cách âm, cách nhiệt tốt. Đa dạng độ dày từ 20mm đến 100mm. Dễ dàng sơn, bả lên bề mặt. Thời gian thi công nhanh. Phù hợp với mọi ngân sách đầu tư.

Outstanding features: Light weight, high sound and thermal insulation possibilities. Produced in a range of thicknesses from 20mm to 100mm. Easy to paint or plaster surface. Quick and easy installation.

Ứng dụng: Thi công chống nóng công trình dân dụng và công nghiệp; làm vật liệu bảo ôn cho kho lạnh, kho đông, kho bảo quản thực phẩm, phòng karaoke, hầm rượu ...

Application: Used as sound and thermal insulation material in industrial and residential constructions as well as insulation material for cold rooms, frozen storage, food warehouses, KTV rooms, wine cellars, etc.

Thông số kỹ thuật | Technical specifications

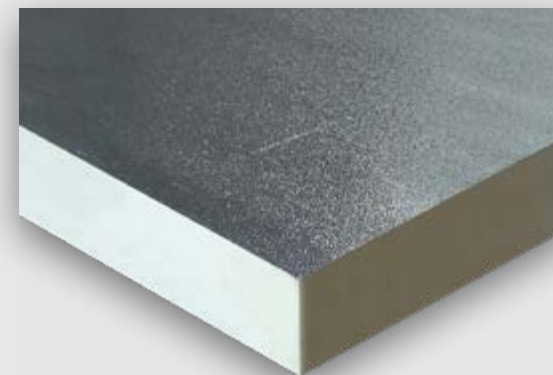
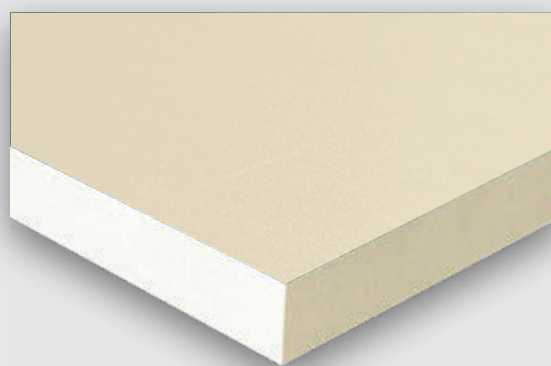
Tiêu chí Description	Đơn vị Unit	Panel không tôn Non-metal panel	Gachmat	Dung sai Tolerance
Bề mặt của sản phẩm Product surface			Lớp xi măng đặc chủng Specified Cement	
Tỷ trọng Density	Kg/m ³	42		± 2
Độ dày của sản phẩm Product thickness	mm	50/ 75/ 100/ 125/ 150	20/30/40/50/60/70/80/100	± 2
Vật liệu cách nhiệt Thermal insulation material		PUR/ PIR		
Đặc tính Property		Cách nhiệt, bảo ôn, cách âm/ Sound and thermal insulation		

TONMATPAN GACHMAT & NON-METAL PANEL

GACHMAT

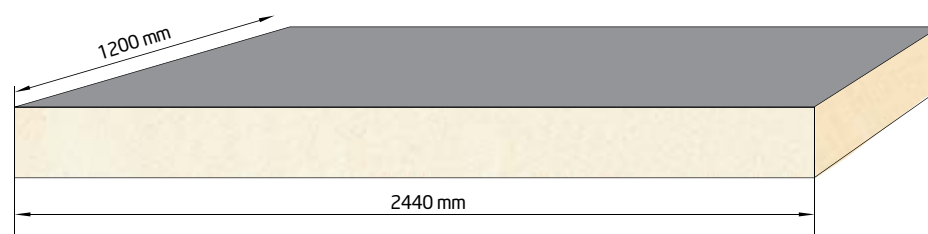


PANEL KHÔNG TÔN
NON-METAL PANEL

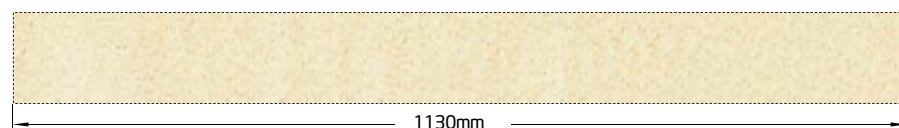


Biên dạng sản phẩm | Product Profile

Gachmat/ Insulation board



Panel không tôn/ Non-metal panel



CHỨNG NHẬN, GIẢI THƯỞNG | CERTIFICATIONS AND AWARDS



500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam
Top 500 biggest private enterprises in Vietnam



Giải thưởng Sao vàng đất Việt
Gold Star Award-Top 100 Best Brands of Vietnam



Hàng Việt Nam Chất lượng cao
Vietnam Best Product



Thương hiệu mạnh Quốc gia
National Strong Brand



Giải vàng Chất lượng Quốc gia
National Gold Quality Award



Nhãn hiệu nổi tiếng
Famous brands



Cúp vàng Doanh nghiệp Vật
liệu xây dựng hàng đầu
Leading Building Material
Enterprise



Thương hiệu hàng
đầu Việt Nam
Vietnam Top Brands

CHỨNG CHỈ | CERTIFICATES

VIỆN KỸ THUẬT NHẬT ĐO				
VIỆN KỸ THUẬT NHẬT ĐO				
Institution for Tropical Technology				
Số 10 Đường Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. HCM				
Điện thoại: (84-8) 3838333				
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM				
TEST REPORT				
Mô tả công việc: Kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng				
1. Khách hàng: Công ty Cổ phần Tập đoàn TONMAT				
2. Địa chỉ: Khu CN Tân Sơn, xã Bình Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam				
3. Ngày nhận mẫu: 15/05/2023				
4. Thời gian nghiệm: 10 ngày				
5. Kết quả thử nghiệm:				
STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
1	Chỉ số trung tâm	TCVN 176-2004	kg/cm ²	28,0
2	Chỉ số độ bền	ASTM C 111	kg/cm ²	3,20
3	Chỉ số độ bền uốn	ASTM C 111	kg/cm ²	3,20
4	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
5	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
6	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
7	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
8	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
9	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
10	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
CÁN BỘ THỬ NGHIỆM:				
THỦ LƯU:				
CHỖ THỬ NGHIỆM:				

VIỆN KỸ THUẬT NHẬT ĐO				
VIỆN KỸ THUẬT NHẬT ĐO				
Institution for Tropical Technology				
Số 10 Đường Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. HCM				
Điện thoại: (84-8) 3838333				
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM				
TEST REPORT				
Mô tả công việc: Kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng				
1. Khách hàng: Công ty Cổ phần Tập đoàn TONMAT				
2. Địa chỉ: Khu CN Tân Sơn, xã Bình Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam				
3. Ngày nhận mẫu: 15/05/2023				
4. Thời gian nghiệm: 10 ngày				
5. Kết quả thử nghiệm:				
STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
1	Chỉ số trung tâm	TCVN 176-2004	kg/cm ²	28,0
2	Chỉ số độ bền	ASTM C 111	kg/cm ²	3,20
3	Chỉ số độ bền uốn	ASTM C 111	kg/cm ²	3,20
4	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
5	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
6	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
7	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
8	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
9	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
10	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
CÁN BỘ THỬ NGHIỆM:				
THỦ LƯU:				
CHỖ THỬ NGHIỆM:				

VIỆN KỸ THUẬT NHẬT ĐO				
VIỆN KỸ THUẬT NHẬT ĐO				
Institution for Tropical Technology				
Số 10 Đường Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. HCM				
Điện thoại: (84-8) 3838333				
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM				
TEST REPORT				
Mô tả công việc: Kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng				
1. Khách hàng: Công ty Cổ phần Tập đoàn TONMAT				
2. Địa chỉ: Khu CN Tân Sơn, xã Bình Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam				
3. Ngày nhận mẫu: 15/05/2023				
4. Thời gian nghiệm: 10 ngày				
5. Kết quả thử nghiệm:				
STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
1	Chỉ số trung tâm	TCVN 176-2004	kg/cm ²	28,0
2	Chỉ số độ bền	ASTM C 111	kg/cm ²	3,20
3	Chỉ số độ bền uốn	ASTM C 111	kg/cm ²	3,20
4	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
5	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
6	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
7	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
8	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
9	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
10	Chỉ số độ bền uốn	TCVN 176-2004	kg/cm ²	3,20
CÁN BỘ THỬ NGHIỆM:				
THỦ LƯU:				
CHỖ THỬ NGHIỆM:				

KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU | TYPICAL CUSTOMERS



Hệ thống TONMATPAN
tiếp nhận bình quân trên
300 đơn hàng/ngày.

Over **300** orders completed
per day across TONMATPAN
factories on average.



Vinpearl Grand world Phú Quốc ▼



Nhà hát Corona | Corona Theatre ▼



Vincom Plaza Phú Yên ▼



Vincom Plaza Hải Phòng ▲

Corona Hotel Phú Quốc ▲



Ba Na Hill ▲

Nhà máy dược phẩm Traphaco/ Traphaco Factory ▼



NEWHOPE Thanh Hóa ▼



British University Vietnam - Ecopark ▼



BigC Đà Nẵng ▲



Kho dược phẩm CODUPHA/ Codupha pharmaceuticals warehouse ▼



Petrolimex petrol station ▼



PVF stadium ▼



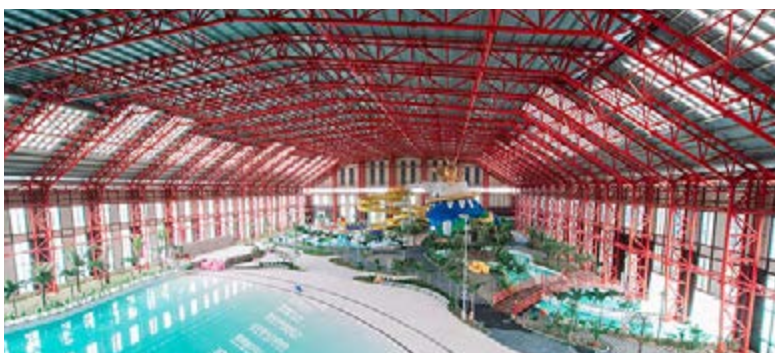
Mikazuki Danang Resort & Spa ▼



Masan Long An ▼



Hyundai TC Motor ▼



THÔNG TIN LIÊN HỆ | INFORMATION CONTACT

Trụ sở chính/ Headquarters
 Công ty CP Tập đoàn TONMAT/ TONMAT GROUP JSC
 Hotline: +84 222 3710 666 - 1800 6811

TONMATPAN VIỆT NAM/ TONMATPAN Vietnam
 Hotline: 1800 6811

FUJITON JSC
 Hotline: 1800 6811

GREENMAT Co. Ltd
 Hotline: 1800 6811

TONMAT Logistic
 Hotline: +84 222 3710 666

TONMAT Hà Nội
 Hotline: +84 904 734 734

TONMAT Bắc Ninh
 Hotline: 1800 6811

TONMAT Quảng Ninh
 Hotline: +84 203 387 3357

TONMAT Thái Bình
 Hotline: +84 227 3983 666

TONMAT Sơn La
 Hotline: +84 212 3799 991

TONMAT Phú Thọ
 Hotline: +84 210 381 4888

TONMAT Tuyên Quang
 Hotline: 1800 6811

TONMAT Thanh Hóa
 Hotline: +84 237 3911 468

TONMAT Nghệ An
 Hotline: +84 238 3837 666

TONMAT Đà Nẵng
 Hotline: +84 236 3739 436

TONMAT Bình Dương
 Hotline: +84 274 3773 761

TONMAT Vĩnh Long
 Hotline: 1800 6811

TONMAT Cà Mau
 Hotline: 1800 6811

Tài liệu này thuộc sở hữu của Tập đoàn TONMAT
 Hình ảnh sản phẩm, các thông số kỹ thuật và biên dạng sản phẩm chỉ mang tính minh họa và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước,
 chi tiết các thông số kỹ thuật sẽ được thống nhất thông qua Hồ sơ chào giá.
 This document is the property of Tonmat Group. Any copy, reproduction or re-print without our written consent is illegal.
 Product images, technical specifications and profiles are for illustrative purpose only and can be changed without prior notice. Detailed technical
 specifications will be confirmed through our offers and quotations.



SẢN PHẨM CỦA TẬP ĐOÀN TONMAT | PRODUCTS OF TONMAT GROUP

Website: www.tonmatpan.com.vn | Email: tonmatpan@tonmat.com.vn | Hotline: 1800 6811

